

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thuốc đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập (Đợt 1 - Năm 2026)

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 6 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-BYT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thuốc đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập (Đợt 1 - Năm 2026), gồm 69 thuốc tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở đề nghị công bố thuốc trong Danh mục tại Điều 1 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính chính xác của các tài liệu cung cấp. Trong quá trình lưu hành thuốc, trường hợp thông tin kê khai tại bảng kê khai tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập có thay đổi, hoặc thuốc không còn đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập, Cơ sở đề nghị công bố phải có văn bản báo cáo về Cục Quản lý Dược.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Nguyễn Tri Thức (để b/c);
- CT. Vũ Tuấn Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng; Cục Y tế - Bộ Công an; Bảo hiểm xã hội Việt Nam - Bộ Tài chính;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLKCB;
- Viện KN thuốc TW, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: QLCLT, QLGT, Website;
- Lưu: VT, ĐKT (DM).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thành Lâm

Phụ lục
DANH MỤC 69 THUỐC ĐÁP ỨNG QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 4 THÔNG TƯ SỐ 40/2025/TT-BYT
ĐỢT 1 - NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QLD ngày / /2026 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
1	Aceralgin 400mg	Aciclovir 400mg	Viên nén	893610797124 (GC-315-19)	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
2	Aceralgin 800mg	Aciclovir 800mg	Viên nén	893610467124 (GC-316-19)	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
3	Amlodipine Stella 10 mg	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilate) 10mg	Viên nén	893110389923 (VD-30105-18)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
4	Amlodipine Stella 5 mg	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate) 5mg	Viên nén	893110390023 (VD-30106-18)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
5	Antipec 1g	Cefepime (dưới dạng hỗn hợp vô khuẩn cefepime dihydrochloride monohydrate và L-arginine) 1g	Bột pha tiêm	893710038424	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
6	Antipecc 2g	Cefepime (dưới dạng hỗn hợp vô khuẩn cefepime dihydrochloride monohydrate và L-arginine) 2g	Bột pha tiêm	893710038524	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7	Angioblock 160mg	Valsartan 160mg	Viên nén bao phim	GC-340-21	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
8	Angioblock 80mg	Valsartan 80mg	Viên nén bao phim	GC-341-21	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
9	Azithromycin 500 mg	Azithromycin (dưới dạng azithromycin dihydrate 524mg) 500mg	Viên nén bao phim	893710757124	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
10	Basicillin 100mg	Doxycyclin (dưới dạng doxycyclin hyclat) 100mg	Viên nang cứng	893610332524 (GC-310-18)	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
11	Bisoplus HCT 10/25	Bisoprolol fumarate 10mg; Hydrochlorothiazide 25mg	Viên nén bao phim	VD-19188-13	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
12	Bisoplus HCT 5/12.5	Bisoprolol fumarate 5mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén bao phim	893110049223 (VD-18530-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
13	Bisoprolol STELLA 10 mg	Bisoprolol fumarate 10mg	Viên nén bao phim	VD-21529-14	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
14	Bisostad 5	Bisoprolol fumarate 5mg	Viên nén bao phim	VD-23337-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
15	Buflan 2g	Cefoperazone sodium và sulbactam sodium vô trùng tương đương cefoperazone và sulbactam 1g : 1g	Bột pha tiêm	893610358324	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
16	Cefazolin 1000	Cefazolin (dưới dạng natri) 1000mg	Bột pha tiêm	893110278324	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
17	Cefazolin 2000	Cefazolin (dưới dạng natri) 2000mg	Bột pha tiêm	893110278424	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
18	Cefoxitin 1000	Cefoxitin (dưới dạng natri) 1000mg	Bột pha tiêm	893110278524	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
19	Cefoxitin 2000	Cefoxitin (dưới dạng cefoxitin natri) 2000mg	Bột pha tiêm	893110029224	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
20	Dotrigitin 100mg	Lamotrigine 100mg	Viên nén	893710133900	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
21	Dotrigitin 200mg	Lamotrigine 200mg	Viên nén	893710134000	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
22	Dotrigitin 50mg	Lamotrigine 50mg	Viên nén	893710049525	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
23	Felodipine STELLA 5 mg retard	Felodipine 5mg	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài	893110697324 (VD-26562-17)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
24	Fordamet 1g	Mỗi lọ chứa: Cefoperazone sodium vô khuẩn tương đương Cefoperazone 1g	Bột pha tiêm	893710958224	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
25	Hurmat 25mg	Captopril 25mg	Viên nén	893610262123 (GC-283-17)	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
					Đông)	hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
26	Ibuprofen STELLA 600 mg	Ibuprofen 600mg	Viên nén bao phim	893110059900 (VD-26564-17)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
27	Lisinopril STELLA 10 mg	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrat) 10mg	Viên nén	893110096224 (VD-21533-14)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
28	Lisiplus HCT 10/12.5	Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrate 10,89 mg) 10 mg; Hydrochlorothiazide 12,5 mg	Viên nén	VD-17766-12	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
29	Lisiplus HCT 20/12.5	Hydrochlorothiazide 12,5mg; Lisinopril (dưới dạng lisinopril dihydrate 21,78mg) 20mg	Viên nén	893110914724 (VD-18111-12)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
30	Lostad T50	Losartan potassium 50mg	Viên nén bao phim	893110504424 (VD-20373-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
31	Medivernol 1g	Ceftriaxone (dưới dạng ceftriaxone sodium) 1g	Bột pha tiêm	893710197523	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
32	Medivernol 2g	Ceftriaxone (dưới dạng ceftriaxone sodium) 2g	Bột pha tiêm	893710038624	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
33	Medonilide 1g	Cefotaxime (dưới dạng Cefotaxime sodium) 1000mg	Bột pha tiêm	893710197623	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
34	Medonilide 2g	Mỗi lọ chứa: Cefotaxime sodium vô khuẩn tương đương Cefotaxime 2g	Bột pha tiêm	893710958324	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
35	Metformin STELLA 500 mg	Metformin hydrochloride 500mg	Viên nén bao phim	VD-23976-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
36	Metformin STELLA 850 mg	Metformin hydrochloride 850mg	Viên nén bao phim	VD-26565-17	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
37	Mocramide 50mg	Vildagliptin 50mg	Viên nén	893610358424	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
38	Naptalin 75mg	Pregabalin 75mg	Viên nang cứng	893610038724	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
39	Oramycin 1.5g	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime sodium) 1,5g	Bột pha tiêm	GC-343-22	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
40	Oramycin 750mg	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime sodium) 750mg	Bột pha tiêm	GC-344-22	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
41	Pantostad 40	Pantoprazol (dưới dạng pantoprazol sodium sesquihydrat) 40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	893110096624 (VD-18535-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
42	Paracetamol 500 mg Tablets	Paracetamol 500mg	Viên nén	893100239424	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
43	Partamol 500 CAP	Paracetamol 500mg	Viên nang cứng	893100166923	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
44	Partamol Tab.	Paracetamol 500mg	Viên nén	893100156725 (VD-23978-15)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
45	Pimefast 1000	Cefepim (dưới dạng Cefepim HCl và Arginin) 1000mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-23658-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
46	Pimefast 2000	Cefepim (dưới dạng Cefepim HCl và Arginin) 2000mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-23659-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
47	Pimefast 500	Cefepime (dưới dạng Cefepime hydrochloride) 500mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-23660-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
48	Pracetam 1200	Piracetam 1200mg	Viên nén bao phim	893110050123 (VD-18536-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
49	Pracetam 800	Piracetam 800mg	Viên nén bao phim	893110697724 (VD-18538-13)	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
50	Rizicet 400mg	Moxifloxacin (dưới dạng moxifloxacin hydrochloride 436,33mg) 400mg	Viên nén bao phim	893615726624	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
51	Skiran 100mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate 128,5mg) 100mg	Viên nén bao phim	893610358524	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
52	Skiran 50mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate 64,25mg)	Viên nén bao phim	893610358624	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
		50mg				Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
53	Tamisynt 500mg	Ciprofloxacin hydrochloride (trung đương ciprofloxacin 500mg) 583mg	Viên nén bao phim	893615262423 (GC-246-16)	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
54	Tenamyd-cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1000mg	Bột pha tiêm	VD-19443-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
55	Tenamyd-cefotaxime 2000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 2000mg	Bột pha tiêm	893110044523 (VD-19445-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
56	Tenamyd-cefotaxime 500	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 500mg	Bột pha tiêm	VD-19446-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
57	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 1g	Thuốc bột pha tiêm	VD-19447-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
58	Tenamyd-Ceftazidime 2000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 2000mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-19448-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
59	Tenamyd-Ceftazidime 500	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 500mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-19444-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
60	Tenamyd-Ceftriaxone 1000	Ceftriaxon (dưới dạng ceftriaxon natri) 1000mg	Thuốc bột pha tiêm	893110098223 (VD-19449-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
61	Tenamyd-Ceftriaxone 2000	Ceftriaxone (dưới dạng Ceftriaxone sodium) 2000mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-19450-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
62	Tenamyd-Ceftriaxone 500	Ceftriaxone sodium tương ứng với Ceftriaxone 500mg	Thuốc bột pha tiêm	893110679024 (VD-19451-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
63	Tenamyd-Cefuroxime 1500	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime sodium) 1500mg	Thuốc bột pha tiêm	893110318624 (VD-19453-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
64	Tenamyd-Cefuroxime 750	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime sodium) 750mg	Thuốc bột pha tiêm	VD-19452-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Lô Y01-02A đường Tân Thuận, khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
65	Uprofen 200	Ibuprofen 200mg	Viên nén bao phim	893100298124	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

STT	Tên thuốc	Hoạt chất, hàm lượng	Dạng bào chế	Số đăng ký	Cơ sở sản xuất	Địa chỉ cơ sở sản xuất
66	Uprofen 400	Ibuprofen 400mg	Viên nén bao phim	893100256524	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Số 40 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
67	Vacontil 2mg	Loperamide hydrochloride 2mg	Viên nang cứng	893600648524	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
68	Vedilma 400mg	Ibuprofen lysine 684mg tương đương ibuprofen 400mg	Viên nén bao phim	893600648624	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 40 VSIP II, đường số 6, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – dịch vụ – đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
69	Zamifen 1g	Cefazolin (dưới dạng cefazolin sodium) 1g	Bột pha tiêm	893610167123	Công ty TNHH Medochemie (Viễn Đông)	Số 10, 12 và 16 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ghi chú:

- Hiệu lực Giấy chứng nhận EU-GMP hoặc tương đương được tra cứu tại Danh sách các CSSX trong nước đạt tiêu chuẩn nguyên tắc GMP, GMP bao bì được phẩm cập nhật trên Trang thông tin điện tử Cục Quản lý Dược.
- Số đăng ký 12 ký tự là số đăng ký được cấp mới hoặc gia hạn theo quy định tại Phụ lục V Thông tư 12/2025/TT-BYT ngày 16/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Số đăng ký đã cấp (được ghi trong ngoặc đơn) là số đăng ký đã được cấp trước khi thuốc được gia hạn.